TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2018/DS-ST
Ngày 05 – 11 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp.
2. Ông Võ Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 291/2018/TLST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 648/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Thị Hồng K**, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: đường N, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Kh**, sinh năm 1970 (Có mặt).
Chị **Võ Ngọc T,** sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: đường L, khóm N, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh **Phan Hoàng V**, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường N, khóm B, phường S, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Hồng K trình bày: Vào ngày 06/02/2017dl (ngày 10/01/2017âl) vợ chồng anh Trần Văn Kh và chị Võ Ngọc T có hỏi vay số tiền 200.000.000đ, thỏa thuận trong 10 tháng đầu vợ chồng anh Kh giao bộ ván gỗ xem như trừ tiền lãi, từ ngày 06/12/2017 dl tính lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 11 tháng, vợ chồng anh Kh có viết biên nhận nhưng đến nay vẫn không thực hiện việc trả nợ, chị có đến gặp anh Kh, chị T nhiều lần để đòi nợ nhưng vợ chồng anh Kh hứa hẹn nhưng không thực hiện và viết giấy cam kết ngày 01/7/2018. Từ ngày 06/12/2018 đến nay anh Kh, chị T có đóng được 30.000.000đ tiền lãi thì ngưng. Nay chị yêu cầu anh Kh, chị T thanh toán tổng số tiền 250.000.000đ. Trong đó: vốn 200.000.000đ; lãi

50.000.000đ (lãi suất 5%/tháng). Ngoài ra chị không yêu cầu gì khác.

- *Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn Kh trình bày:* Anh thừa nhận vào ngày 06/02/2017dl vợ chồng anh có hỏi vay số tiền 200.000.000đ của vợ chồng anh V, mục đích vay là để trả tiền gỗ. Đôi bên thỏa thuận trong 10 tháng đầu vợ chồng anh giao bộ ván để trừ tiền lãi, xem như lãi đã thanh toán xong đến ngày 06/12/2017dl. Khi vay, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, từ ngày 06/12/2017 dl đến nay vợ chồng anh đã thanh toán cho vợ chồng anh V tiền lãi 30.000.000đ thì ngưng. Nay anh thừa nhận còn nợ chị K, anh V số tiền vốn 200.000.000đ, đối với tiền lãi 50.000.000đ anh xin không thanh toán do làm ăn thua lỗ.

- *Tại bản tự khai chị Võ Ngọc T trình bày*: Chị thừa nhận vào ngày 06/02/2017dl vợ chồng chị có vay tiền của chị K vốn 200.000.000đ, lãi suất 5%/tháng, có làm biên nhận. Khi vay hai bên thỏa thuận trong 10 tháng đầu vợ chồng chị không trả lãi mà giao bộ ván gỗ xem như trừ tiền lãi. Từ ngày 06/12/2017dl đến nay chị có đóng lãi số tiền 30.000.000đ thì ngưng. Nay chị thừa nhận và đồng ý hoàn trả cho vợ chồng chị K số tiền vốn 200.000.000đ, lãi 50.000.000đ nhưng xin thanh toán dần.

- *Tại bản tự khai anh Phan Hoàng V trình bày*: Vào ngày 06/12/2016 vợ chồng anh Kh, chị T có vay tiền của vợ chồng anh số tiền vốn 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, có viết biên nhận. Đến thời điểm ngày 15/10/2018 anh Kh chị T còn nợ anh số tiền 270.000.000đ, trong đó: vốn 200.000.000đ, lãi 70.000.000đ. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai, chứng cứ, hòa giải nhưng nguyên đơn, bị đơn thay phiên vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử, bị đơn được tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do, anh Kh có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 06/02/2017dl vợ chồng chị K, anh V có cho vợ chồng anh Kh, chị T vay số tiền 200.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng, thời hạn vay 11 tháng. Khi vay đôi bên có thỏa thuận trong 10 tháng đầu không đóng lãi (từ ngày 06/02/2017dl đến ngày 06/12/2017dl) mà chỉ giao 01 bộ ván gỗ xem như tiền lãi, việc này đã được giao và nhận xong đôi bên không yêu cầu xem xét, cả nguyên và bị đơn thống nhất tiền vốn còn nợ là 200.000.000đ, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Vấn đề các đương sự chưa thống nhất là tiền lãi, nguyên đơn và bị đơn xác định từ ngày 06/12/2018 dl đến nay (ngày 05/01/2018dl) bị đơn có đóng lãi số tiền 30.000.000đ. Tại tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả thêm 50.000.000đ tiền lãi, bị đơn xin không thanh toán khoản tiền lãi do làm ăn thua lỗ và xin trả dần.

Hội đồng xét xử xét thấy, lãi suất các đương sự thỏa thuận là cao so với quy định của Nhà nước do đó được điều chỉnh lại như sau:

200.000.000đ x 1,66%/tháng x 11 tháng = 36.520.000đ.

Đối trừ 30.000.000đ bị đơn đã thanh toán: 36.520.000đ – 30.000.000đ = 6.520.000đ. Như vậy bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi là 6.520.000đ.

So với yêu cầu, nguyên đơn không được chấp nhận số tiền lãi 43.480.000đ.

[5] Bị đơn yêu cầu trả dần, xét thấy không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đối với anh Phan Hoàng V xác định tiền anh Kh, chị T vay là tiền chung của vợ chồng, xét thấy chị Trương Thị Hồng K, anh Phan Hoàng V có mối quan hệ vợ chồng và hiện vẫn còn tồn tại hôn nhân, vì vậy buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn (chị K), anh V cũng thống nhất chị K là người nhận thay, nếu không thỏa thuận được sẽ khởi kiện giải quyết thành vụ án dân sự khác.

[7] Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Văn Kh, chị Võ Ngọc T thanh toán cho chị Trương Thị Hồng K số tiền 206.520.000đ (Hai trăm lẽ sáu triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó: Vốn 200.000.000đ; lãi 6.520.000đ.

Kể từ ngày chị Trương Thị Hồng K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Trần Văn Kh, chị Võ Ngọc T không thi hành xong khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn hoàn trả số tiền 43.480.000đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

+ Chị Trương Thị Hồng K phải chịu 2.174.000 đồng, ngày 22/8/2018 chị đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 7.000.000đ, đối trừ án phí chị K phải nộp, chị K được nhận lại 4.826.000đ khi án có hiệu lực.

+ Anh Trần Văn Kh, chị Võ Ngọc T phải chịu 10.326.000đ (Chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các diiêù 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị K, anh Kh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị T, anh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thu